TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **392**/2023/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 17 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Huy D, sinh năm 1992. Địa chỉ: 05 D Minh Châu, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Võ Thị Minh L, sinh năm 1992. Địa chỉ: 05 D Minh Châu, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Huy D và bà Võ Thị Minh L kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông D và bà L.

[2] Về con chung: Ông Bùi Huy D và bà Võ Thị Minh L xác nhận có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày: 24/11/2016, cháu Bùi Huy H, sinh ngày: 27/10/2021. Sau ly hôn, cháu D và cháu H do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng mỗi tháng (Mỗi cháu là 2.500.000 đồng), giao tiền

cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì L ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Bùi Huy D và bà Võ Thị Minh L xác nhận tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Bùi Huy D và bà Võ Thị Minh L xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* ông D và bà L chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Huy D và bà Võ Thị Minh L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Bùi Ngọc D, sinh ngày: 24/11/2016 và Bùi Huy H, sinh ngày: 27/10/2021 cho bà Võ Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Huy D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (mỗi con 2.500.000 đồng/tháng), giao tiền cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì L ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản: Các bên đương sự xác định tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có.

1.5. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông D và bà L mỗi người chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục

thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0001946 ngày 26/10/2023. Ông D và bà L đã nộp đủ lệ phí HNGĐ sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Tam Xuân, huyện Núi Thành Tỉnh Quảng Nam
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hưng